

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HSST

Ngày: 11-03-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quỳ - Nghề nghiệp: Sĩ quan Công an nghỉ hưu

Bà Trần Thị Mai – Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Khắc Giang S; sinh năm 1993 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số 18/65 đường Phù Long, phường Trần Tế Xương, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Khắc Lộc và bà: Phạm Thị Thủy; có vợ Đào Thị Quỳnh; tiền án: không; tiền sự: ngày 22-01-2020 Công an phường Nguyễn Du thành phố N xử phạt vi phạm hành chính hình thức phạt tiền về hành vi “Không chấp hành yêu cầu kiểm tra, giám sát của người thi hành công vụ”; nhân thân: ngày 31-10-2011 Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân Thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 05-02-2015 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 15 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”, ngày 03-02-2020 Công an phường Cửa Bắc thành phố N xử phạt vi phạm

hành chính hình thức cảnh cáo về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”; bị bắt, tạm giữ ngày 10-11-2020, chuyển tạm giam ngày 13-11-2021; có mặt.

Bị hại:

1. Bà Trần Thị Kim T; sinh năm 1960; nơi cư trú: số 67 đường Phù Long, phường Trần Tế Xương, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Chị Cao Thị Thanh T; sinh năm 1999; nơi cư trú: xóm 8, xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3. Chị Hồ Thị Vân A; sinh ngày 18-8-2003; nơi cư trú: xóm 5, xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Hồ Thị Vân A: Bà Nguyễn Thị Thanh H - Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ phường T thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn S; sinh năm 1990; nơi cư trú: số nhà 67 H, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Khắc Giang S không có việc làm ổn định, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy Honda Wave α màu trắng biển kiểm soát 18B1 - 58042 của bà Trần Thị Kim T. Sáng ngày 28-8-2020, S đi bộ sang nhà bà T hỏi mượn chiếc xe máy Honda Wave α màu trắng biển kiểm soát 18B1 - 58042 và hẹn một lúc sẽ trả. Bà T tin tưởng nên đã đồng ý giao xe cho S mượn. Ngày sau đó, S điều khiển chiếc xe máy trên sang thành phố N tìm nơi cầm cố nhưng không được nên S đi đến quán Internet “S Lâm” tại địa chỉ 67 Hưng T phường B thành phố N chơi game. Đến ngày 03-9-2020, do không có tiền trả tiền chơi Game nên S nói dối anh Nguyễn Văn S chủ quán Internet là chiếc xe máy Honda Wave α màu trắng biển kiểm soát 18B1 - 58042 là của mẹ S muốn đặt làm tin để vay anh Nguyễn Văn S số tiền là 4.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn S đồng ý và đưa cho S 4.000.000 đồng. Khi nhận đủ tiền, S đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, S tiếp tục nghĩ cách lừa đảo bà T để lấy giấy đăng ký chiếc xe máy Honda Wave α màu trắng biển kiểm soát 18B1 - 58042 để bán được nhiều tiền hơn. Ngày 29-9-2020, S về nhà nói dối mẹ của S là bà Phạm Thị T là ngày 28-8-2020 S đã mượn xe máy của bà T giao cho anh họ của S là Trần Khắc Nhân sử dụng, anh Nhân điều khiển xe vi phạm giao thông bị lực lượng Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh Ninh Bình tạm giữ xe do không mang giấy đăng ký xe. S nhờ bà T sang nói chuyện với bà T về việc chiếc xe máy của bà T đang bị tạm giữ tại Phòng Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh Ninh Bình và bảo bà T mang theo giấy đăng ký xe đi cùng S sang thành phố N nộp phạt để mang xe về. Ngày

08-10-2020, S cùng bà T và bạn của bà T là ông Phạm Thanh T đi xe tắc xi sang thành phố N, khi đến trước cổng Phòng Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh Ninh Bình, S nói bà T đưa giấy đăng ký xe máy Honda Wave α màu trắng biển kiểm soát 18B1 - 58042 cho S nhưng bà T không đồng ý. Không lấy được giấy đăng ký xe, S tiếp tục nói dối bà T: “Hiện tại chưa xin được xe nên phải đợi đến ngày hôm sau”. Sau đó, S cùng bà T, ông T đi về thành phố N. Sáng ngày 09-10-2020, bà T lấy xe máy chở S sang thành phố N để nộp phạt. Khi đi đến quán nước đối diện ngân hàng Vietcombank Ninh Bình, S nói dối bà T: “Cô đưa đăng ký đây để cháu vào lấy xe”, bà T tin tưởng đưa giấy đăng ký xe cho S và ngồi đợi ở quán nước. Sau khi lấy được giấy đăng ký xe của bà T, S thuê xe ôm ở gần đó đi đến quán Internet “S Lâm” viết Hợp đồng bán xe cho anh Nguyễn Văn S chiếc xe máy trên với giá 9.000.000 đồng. Do ngày 03-9-2020, S đã vay của anh S 4.000.000 đồng nên anh Nguyễn Văn S đưa thêm cho S 5.000.000 đồng. Số tiền này S đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc xe máy trên từ S, anh Nguyễn Văn S đã bán lại cho anh Vũ Công Đ với giá 11.000.000 đồng.

Sau khi nhận được đơn trình báo của bà Trần Thị Kim T, Công an phường T và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã tiến hành điều tra làm rõ vụ án. Tại Cơ quan điều tra anh Nguyễn Văn S và anh Vũ Công Đ khai không biết chiếc xe máy Honda Wave α màu trắng biển kiểm soát 18B1 - 58042 do S phạm tội mà có. Anh Đ đã tự giác giao nộp chiếc xe máy trên để phục vụ quá trình điều tra. Anh Nguyễn Văn S đã hoàn trả lại cho anh Đ số tiền 11.000.000 đồng anh Đ đã bỏ ra để mua chiếc xe máy trên và có đơn yêu cầu S hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn S số tiền 9.000.000 đồng. Hiện Schừa bồi thường số tiền này cho anh Nguyễn Văn S

Kết luận định giá tài sản số 49/ KL-HĐĐGTS ngày 21-10-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố N kết luận: 01 chiếc xe máy Honda Wave α màu trắng biển kiểm soát 18B1 - 58042 trị giá: 11.000.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho bà Trần Thị Kim T. Bà T nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

Ngày 04-11-2020, Cơ quan điều tra đã triệu tập Trần Khắc Giang S đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, S đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy của bà Trần Thị Kim T như đã nêu trên. Ngày 05-11-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Khắc Giang S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam. Do S trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã. Ngày 10-11-2020, Trần Khắc Giang S ra đầu thú.

Quá trình điều tra, Trần Khắc Giang S đã khai nhận và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N điều tra làm rõ ngày 27-10-2020 S đã có hành vi trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Qua mối quan hệ xã hội, Trần Khắc Giang S quen biết với chị Cao Thị Thanh T và chị Hồ Thị Vân A. Ngày 26-10-2020, chị Thiên cùng chị Vân A đến thành phố N chơi và thuê phòng 302 nhà nghỉ An Khang tại số 284 Nguyễn Bình Khiêm phường Lộc Hòa thành phố N nghỉ. Khoảng 19 giờ cùng ngày S đến nhà nghỉ gặp Vân Anh và Thiên, quá trình ngồi chơi nói chuyện, S hỏi mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng của chị Vân Anh để chơi game và mượn chị Thiên chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ có ốp lưng màu đen để xem bóng đá. Chị Vân A và chị Thiên đồng ý cho S mượn và nói với S khi nào xem xong đá bóng thì trả lại hai chiếc điện thoại, để ở trên bàn, đi về cho Vân A và T ngủ. Sau khi xem xong đá bóng, đến khoảng 05 giờ ngày 27-10-2020, S để chiếc điện thoại Iphone 11Promax màu trắng và Iphone 7 Plus màu đỏ trên bàn rồi ngồi trên ghế ngủ đến 06 giờ cùng ngày tỉnh dậy. Thấy chị T và chị Vân A vẫn đang ngủ, S nảy sinh ý định trộm cắp hai chiếc điện thoại này mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. S dùng tay phải lấy 02 chiếc điện thoại trên cho vào trong túi quần phía trước bên phải của S đang mặc rồi mở cửa phòng đi xuống tầng 1 nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường. Khi ra khỏi nhà nghỉ An Khang, phát hiện trong chiếc ốp lưng điện thoại Iphone 7 Plus màu đỏ của chị Thiên có số tiền 1.000.000 đồng, S đã lấy số tiền này và vứt ốp lưng của chiếc điện thoại ở dọc đường, số tiền này S đã tiêu xài hết. Đến khoảng 19 giờ ngày 27-10-2020, S cùng người bạn tên là Hùng (không rõ lai lịch) đi đến cửa hàng sửa chữa điện thoại “Quang Hà” đặt chiếc điện thoại Iphone 11 Promax màu trắng cho anh Trần Văn H (sinh năm: 1989) để vay 6.000.000 đồng. Anh H đồng ý giữ lại chiếc điện thoại và đưa cho S 6.000.000 đồng. Sau đó khoảng 7 giờ ngày 28-10-2020, thông qua sự giới thiệu của H, S biết và đi cùng anh Đặng Hùng M đến cửa hàng điện thoại “Quang Hà”. Tại đây anh Mạnh đã đồng ý mua chiếc điện thoại Iphone 11 Promax với giá 6.000.000 đồng và trả cho anh Hà 6.000.000 đồng S đã vay và cầm chiếc điện thoại Iphone 11 Promax về. Chiều ngày 28-10-2020, S đã bán chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu đỏ cho một nam thanh niên tên là Nam (không rõ lai lịch) tại khu vực hồ Truyền Thống thành phố N với giá 2.000.000 đồng. Quá trình giao dịch giữa S và Nam không có người chứng kiến, không viết giấy tờ gì. Hiện Cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc điện thoại trên. Toàn bộ số tiền 8.000.000 đồng bán 02 chiếc điện thoại trên S đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện mất tài sản, chị Th và chị Vân A đã đến trụ sở Công an thành phố N để trình báo nội dung sự việc bị mất trộm tài sản như đã nêu trên. Tại Cơ quan điều tra, anh M và anh H khai không biết chiếc điện thoại Iphone 11 Promax màu trắng do S trộm cắp được mà có. Sau khi mua chiếc điện trên, do không có mật khẩu Icloud nên đến chiều ngày 28-10-2020 anh M đã tháo rời các linh kiện của chiếc điện thoại này ra và thay thế cho điện thoại của khách hàng không quen biết đến sửa chữa tại cửa hàng của anh M nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐGTS ngày 23-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố N định giá qua hồ sơ kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng, đã qua sử dụng trị giá: 17.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, đã qua sử dụng trị giá: 3.800.000 đồng.

Về vấn đề dân sự: Chị Vân A có đơn yêu cầu S bồi thường cho chị số tiền 17.000.000 đồng, chị T yêu cầu S bồi thường số tiền 4.800.000 đồng (gồm trị giá chiếc điện thoại S đã chiếm đoạt và số tiền 1.000.000 đồng). Đối với chiếc ốp điện thoại Iphone 7 Plus không có giá trị nên chị Th đề nghị Cơ quan điều tra không định giá, không yêu cầu S bồi thường. Hiện S chưa bồi thường số tiền trên cho chị Vân A và chị T.

Bản Cáo trạng số 47/CT-VKSTPNĐ ngày 01-02-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần Khắc Giang S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Khắc Giang S khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 174, khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp hình phạt của cả 02 tội đối với bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Khắc Giang S và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Khắc Giang S phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 28-8-2020, Trần Khắc Giang S đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bà Trần Thị Kim T chiếc xe máy Honda Wave α màu trắng biển kiểm soát 18B1 - 58042 trị giá 11.000.000 đồng. Khoảng 06 giờ ngày 27-10-2020, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Hồ Thị Vân A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu trắng trị giá 17.000.000 đồng và chiếm đoạt của chị Cao Thị Thanh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ trị giá 3.800.000 đồng cùng với số tiền 1.000.000 đồng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ nhưng vẫn thực hiện hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản và lén lút chiếm đoạt tài sản vì mục đích tư lợi, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án (đã được xóa án tích), 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính (đã được xóa tiền sự). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung đối với cả hai tội. Bị cáo phạm 02 tội nên căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vấn đề dân sự: Bà Trần Thị Kim T đã nhận lại tài sản và không đề nghị giải quyết vấn đề bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề bồi thường dân sự đối với bà T. Anh Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 9.000.000 đồng, chị Vân Anh yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 17.000.000 đồng, chị Thiên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.800.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Xét yêu cầu của anh S, chị Vân Anh và chị Thiên phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của các bị hại.

[6] Đối với Nguyễn Văn S, Trần Văn H, Đặng Hùng M khi tham gia giao dịch mua bán chiếc xe máy Honda Wave α màu trắng biển kiểm soát 18B1 - 58042 và chiếc điện thoại Iphone 11 Promax không biết là tài sản do S phạm tội mà có; do đó Công an thành phố N không đề cập vấn đề xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với người tên Hùng và Nam, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Khắc Giang S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Khắc Giang S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Trần Khắc Giang S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt: Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 10-11-2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn S số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng, bồi thường cho chị Cao Thị Thanh T số tiền 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng và bồi thường cho chị Hồ Thị Vân A số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Văn S, chị Cao Thị Thanh T, chị Hồ Thị Vân A có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Trần Khắc Giang S phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Bị cáo Trần Khắc Giang S phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.540.000 (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Khắc Giang S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì chị Trần Thị Tuyết, bị cáo Đào Mạnh Cầm có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diện

